

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Đăng

2. Bà Trần Thị Lệ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ: Bà H Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử C khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2022/TLST- HNGĐ ngày 26/4/2022 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐST – HNGĐ ngày 28/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2022/QĐST – HNGĐ ngày 16/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Diễm T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Thái Văn C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Diễm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T xây dựng gia đình với ông Thái Văn C vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại

UBND xã D, huyện Tân Thành (nay là phường D, thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 10/11/2008.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông C thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập vợ con. Bà T đã nhiều lần khuyên bảo ông C bớt nhậu nhẹt nhưng không có kết quả, nhiều lần bà T bỏ về nhà mẹ ruột ở để ông C thay đổi nhưng được một thời gian ông C vẫn không bỏ được rượu, bia, nhậu say xỉn về nhà kiếm chuyện đánh vợ. Từ tháng 12/2021 đến nay sau một lần bị ông C đánh và dọa giết, bà T đã dẫn theo con bỏ ra ngoài thuê nhà trọ sống cho đến nay và chính thức sống ly thân với ông C. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông C có 01 con chung là cháu Thái Anh K, sinh ngày 01/02/2012. Hiện nay cháu K đang sống với bà T. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu K số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông C có tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.001m² thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất được công nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn C và bà Trần Thị Diễm T ngày 20/5/2019, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 054546 cấp ngày 16/8/2018.

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 592m² thuộc thửa đất số 355 tờ bản đồ số 41 (thửa cũ là 257, tờ bản đồ số 25) tọa lạc tại khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất được công nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn C và bà Trần Thị Diễm T ngày 05/5/2020, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BM 638724 cấp ngày 06/2/2013.

- 01 căn nhà cấp 4 khoảng dưới 100m², xây dựng trên thửa đất số 528 tờ bản đồ số 25, diện tích 600m² tọa lạc tại tổ 4, khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất do bố mẹ của ông C cho riêng ông C nên hiện một mình ông C đứng tên QSDĐ.

- 01 xe ô tô biển số 72A – 318.37 đứng tên bà Trần Thị Diễm T.

- 02 vườn cây cảnh.

Quá trình tố tụng bà T xin rút các yêu cầu về phân chia đối với các tài sản gồm 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 528, tờ bản đồ số 25, diện tích 600m² tọa lạc tại tổ 4, khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; 01 xe ô tô biển số 72A – 318.37 và 02 vườn cây cảnh.

Bà T yêu cầu Toà án phân chia đối với 02 quyền sử dụng đất là thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41 và thửa đất số 355 tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Cụ thể bà T yêu cầu phân chia như sau:

Bà T yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất đối với 592m² thuộc thửa đất số 355 tờ bản đồ số 41 (thửa cũ là 257, tờ bản đồ số 25) tọa lạc tại khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để sử dụng; giao quyền

sử dụng đất có diện tích 1.001m² thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41 cho ông C tiếp tục sử dụng. Bà T sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch của thửa 355 so với thửa 236 cho ông C theo giá của Hội đồng định giá đã xác định vào ngày 05/7/2022.

Về nợ chung: Không có. Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà: Bà T giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày ở trên và không bổ sung gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Thái Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C thống nhất với điều kiện và thời gian kết hôn như bà T đã trình bày. Ông C xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã, lúc uống rượu say xỉn ông có đánh đập bà T nhưng khi ông tỉnh rượu thì biết mình sai nên đã xin lỗi bà T. Khoảng trước tết năm 2021 bà T có mong muốn chuyển ra gần trường học để mở tiệm bán hoa, do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc mở tiệm nên có xảy ra cự cãi. Sau đó bà T dẫn theo con bỏ đi khỏi nhà cho đến nay mà ông không biết ở đâu, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân.

Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông C không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với bà T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông C xác định ông và bà T có 01 con chung như bà T đã trình bày và hiện nay cháu K đang sống với bà T. Trường hợp ly hôn, ông C đồng ý giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con bà T yêu cầu là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Ông C xác định tài sản chung của ông và bà T gồm có 02 quyền sử dụng đất như sau:

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.001m² thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất được công nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn C và bà Trần Thị Diễm T vào ngày 20/5/2019, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 054546 cấp ngày 16/8/2018.

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 592m² thuộc thửa đất số 355 tờ bản đồ số 41 (thửa cũ là 257, tờ bản đồ số 25) tọa lạc tại khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất được công nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn C và bà Trần Thị Diễm T vào ngày 05/5/2020, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BM 638724 cấp ngày 06/2/2013.

- 01 xe ô tô biển số 72A – 318.37 đứng tên bà Trần Thị Diễm T.

- 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 528, tờ bản đồ số 25 tại khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nhà là tài sản chung, đất là tài sản riêng của ông C.

Ông C xác định không đồng ý ly hôn nên không đồng ý phân chia tài sản chung. Trường hợp ly hôn, ông C yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có. Ông C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với các đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông C.

Về con chung: Giao cháu Thái Anh K sinh ngày 01/02/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Đề nghị Toà án phân chia tài sản chung của bà T, ông C theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: Các đương sự phải có nghĩa vụ đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông Thái Văn C hiện đang cư trú tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tranh chấp giữa bà T, ông C là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung”, là những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình tố tụng nguyên đơn bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phân chia: - 01 căn nhà cấp 4 khoảng dưới 100m², xây dựng trên thửa đất số 528 tờ bản đồ số 25, diện tích 600m² tọa lạc tại tổ 4, khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; 01 xe ô tô biển số 72A – 318.37 đứng tên bà Trần Thị Diễm T và 02 vườn cây cảnh. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Toà án phân chia các tài sản trên. Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

Bị đơn ông Thái Văn C đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để

tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà T, ông C:

Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Bà Trần Thị Diễm T và ông Thái Văn C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tân Thành (nay là phường D, thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn: Quá trình tố tụng, bà T xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, ông C thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về kiểm chuyện đánh đập bà T, vì sợ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của mình, bà T đã chuyển ra ngoài sống và sống ly thân với ông C từ đầu năm 2021 đến nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông C nên vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Quá trình tố tụng, ông C thừa nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra cãi vã, khi ông C uống rượu bia say xỉn có đánh đập bà T nhưng khi tỉnh lại thì biết mình sai và xin lỗi bà T. Ông C nhận thấy bản thân còn yêu thương bà T nên không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ gia đình với bà T.

Như vậy, bà T, ông C đều thống nhất vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn. Từ thời điểm bà T, ông C sống ly thân đến nay, ông C có nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu bà T quay về nhà chung sống nhưng bà T nhất quyết không quay về. Tại phiên toà, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì tình cảm vợ chồng của bà T và ông C cũng không có khả năng hàn gắn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T, ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T đối với ông C.

[2.2]. Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung là cháu Thái Anh K, sinh ngày 01/02/2012.

Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Quá trình tố tụng, ông C đồng ý giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cháu K cũng có nguyện vọng được sống với bà T. Do đó xét sự thỏa thuận của các đương sự và nguyện vọng của con chung thì giao các cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[2.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu K số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Quá trình tố tụng, ông C đồng ý với mức cấp dưỡng bà T đưa ra nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể ông C có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thái Anh K số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[2.4]. Về tài sản chung: Bà T, ông C xác định trong thời kỳ hôn nhân bà T, ông C có tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.001m² thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất được C nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn C và bà Trần Thị Diễm T ngày 20/5/2019, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 054546 cấp ngày 16/8/2018.

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 592m² thuộc thửa đất số 355 tờ bản đồ số 41 (thửa cũ là 257, tờ bản đồ số 25) tọa lạc tại khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất được C nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn C và bà Trần Thị Diễm T ngày 05/5/2020, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BM 638724 cấp ngày 06/2/2013.

Căn cứ vào hồ sơ biến động đối với 02 thửa đất trên và sự thừa nhận của bà T, ông C, xác định:

Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41 có nguồn gốc của ông Thái N (là cha của ông C) đã tặng cho vợ chồng ông C, bà T vào ngày 20/5/2019.

Thửa đất số 355 tờ bản đồ số 41 (thửa cũ là 257, tờ bản đồ số 25) có nguồn gốc là của ông Thái N, ông N tặng cho con trai ông Thái Văn H, ông H tặng cho lại ông Thái Văn C vào ngày 15/3/2016. Đến ngày 05/5/2020 ông C đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất của ông Thái Văn C thành của chung ông Thái Văn C và bà Trần Thị Diễm T.

Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định 02 quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông C.

Do đó, bà T yêu cầu phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41 và 355 tờ bản đồ số 41 cùng tọa lạc tại khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là có căn cứ.

Tại biên bản định giá ngày 05/7/2022 xác định:

Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.001m² tọa lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có giá 2.000.000 đồng/m², tương đương: 1.001m² x 2.000.000 đồng/m² = 2.002.000.000 đồng.

Trên thửa 236 có trồng các loại cây gồm cây mít thái, cây lộc vừng và cây cau, toàn bộ cây trồng này do ông C trồng, bà T, ông C thống nhất không yêu cầu hội đồng định giá định giá đối với các cây trồng trên.

Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 41, diện tích 592m² tọa lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có giá 8.000.000 đồng/m², tương đương: 592m² x 8.000.000 đồng/m² = 4.736.000.000 đồng.

Trên thửa 355 có các loại cây cảnh do ông C mua về để kinh doanh, toàn bộ cây cảnh này bà T, ông C thống nhất không yêu cầu hội đồng định giá định giá đối với các cây cảnh trên.

Như vậy, tổng giá trị đất đối với 02 thửa đất trên là 6.738.000.000đ (sáu tỷ bảy trăm ba mươi tám triệu đồng).

Tại buổi định giá các đương sự đều thống nhất đối với giá tài sản đã được định giá nên Hội đồng xét xử căn cứ vào mức giá của tài sản tranh chấp đã được định giá ngày 05/7/2022 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét về quy hoạch sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên thì thấy: Tại văn bản số 1448/CNVPĐK – KTĐC ngày 30/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai về việc cho ý kiến liên quan đến việc tách thửa đối với thửa đất số 527, tờ bản đồ số 25 (nay là thửa 355, tờ bản đồ số 41) và thửa 236 tờ bản đồ số 41 cùng toạ lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định cả 2 thửa đất trên đều không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định.

Như vậy, không có căn cứ để Toà án phân chia đất cho các đương sự bằng cách chia đôi diện tích đất của từng thửa đất trên thửa địa, chỉ có thể phân chia nguyên thửa đất và tính toán giá trị đất chênh lệch khi phân chia cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì vậy căn cứ Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xác định bà T, ông C mỗi người có quyền hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, tương đương số tiền: 6.738.000.000 đồng : 2 = 3.369.000.000 đồng.

Xét nguyện vọng, điều kiện thực tế và nhu cầu về nhà ở của các đương sự, thì thấy: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà T có nguyện vọng nhận thửa đất số 355, tờ bản đồ số 41, diện tích 592m² toạ lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để sử dụng, giao thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.001m² toạ lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho ông C sử dụng. Do thửa đất 355 có giá trị cao hơn thửa đất 236 nên bà T sẽ thanh toán lại giá trị đất chênh lệch cho ông C theo quy định của pháp luật. Đối với các cây cảnh trồng trên thửa đất 355 và thửa 236 bà T không yêu cầu phân chia, bà T yêu cầu ông C di dời toàn bộ cây cảnh trên thửa 355 để giao hiện trạng đất trống cho bà.

Bà T có nguyện vọng nhận thửa 355 vì trên thửa đất số 355 có 40m² là đất thổ cư, trường hợp Toà án giao thửa đất này cho bà thì bà có thể xây dựng nhà để ở. Đối với thửa đất 236 là đất trồng cây lâu năm nên không thể xây dựng nhà. Từ khi bà T, ông C sống ly thân, bà đang thuê nhà trọ để ở, ông C hiện đang ở trên căn nhà mà vợ chồng xây dựng trên thửa đất số 528, tờ bản đồ số 25 thuộc quyền sử dụng đất của cá nhân ông C.

Xét về điều kiện nhà ở thì bà T chưa có nhà ở, mặt khác theo thoả thuận của bà T, ông C thì bà T là người trực tiếp nuôi con nên cần thiết giao thửa đất số 355 cho bà T để bà T xây dựng nhà ở phục vụ nhu cầu sinh sống ổn định của bà T và cháu K là phù hợp.

Như vậy, cách phân chia bà T đưa ra là phù hợp thực tế sử dụng đất và phù hợp quy định về điều kiện tách thửa tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình và pháp luật về đất đai nên được chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cho bà T, ông C như sau:

Giao quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 592m² thuộc thửa đất số 355, tờ bản đồ số 41 (thửa cũ là 527, tờ bản đồ số 25) tọa lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho bà Trần Thị Diễm T.

Giao quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.001m² thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho ông Thái Văn C.

Bà Trần Thị Diễm T có trách nhiệm thanh toán cho ông Thái Văn C giá trị tài sản chênh lệch giữa thửa 355 và thửa 236 là 1.367.000.000 đồng.

Đối với toàn bộ cây trồng trên thửa đất 355, bà T tự nguyện giao lại toàn bộ cây trồng cho ông C, ông C có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng ra khỏi thửa đất 355. Quá trình tổ tụng và tại buổi định giá ông C xác định các loại cây cảnh trên thửa 355 là do ông trồng để kinh doanh, do đó việc bà T giao lại toàn bộ cây trồng trên thửa đất 355 cho ông C và yêu cầu ông C di dời ra khỏi thửa đất 355 là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với toàn bộ cây trồng trên thửa 236, bà T xác định do ông C trồng, bà T tự nguyện giao lại toàn bộ cây trồng cho ông C tiếp tục chăm sóc, sở hữu không yêu cầu phân chia là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.5]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: 5.000.000 đồng. Bà T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền trên, bà T đã nộp đủ.

[4]. Về án phí: Bà Trần Thị Diễm T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Ông Thái Văn C phải nộp án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Bà T, ông C mỗi người phải nộp 99.380.000.000đ (chín mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự về việc phân chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 213 Bộ luật Dân sự;

Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diễm T đối với ông Thái Văn C về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Diễm T được ly hôn với ông Thái Văn C.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Thái Văn C giao cháu Thái Anh K, sinh ngày 01/02/2012 cho bà Trần Thị Diễm T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Thái Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thái Anh K số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng bắt đầu từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Thái Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Giao cho bà Trần Thị Diễm T được toàn quyền sử dụng đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 355, tờ bản đồ số 41 (thửa cũ 527, tờ bản đồ số 25) tọa lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất được Nhà nước C nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn C và bà Trần Thị Diễm T ngày 05/5/2020 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 638724.

Giao cho ông Thái Văn C được toàn quyền sử dụng đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất được Nhà nước C nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn C và bà Trần Thị Diễm T ngày 20/5/2019 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 054546 và toàn bộ cây trồng có trên đất.

Buộc bà Trần Thị Diễm T phải thanh toán cho ông Thái Văn C số tiền chênh lệch giữa 02 thửa đất là 1.367.000.000đ (một tỷ ba trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Buộc ông Thái Văn C có nghĩa vụ bàn giao thửa đất số 355, tờ bản đồ số 41 (thửa cũ 527, tờ bản đồ số 25) tọa lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho bà Trần Thị Diễm T.

Buộc ông Thái Văn C có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây cảnh đang tọa lạc trên thửa đất 355 tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để giao lại hiện trạng đất trống cho bà Trần Thị Diễm T.

Buộc bà Trần Thị Diễm T có nghĩa vụ bàn giao thửa đất số 236, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và toàn bộ cây trồng trên đất cho ông Thái Văn C.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Diễm T và ông Thái Văn C có nghĩa vụ phối hợp cùng nhau để thực hiện việc điều chỉnh biên động của 02 thửa đất trên tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp bà Trần Thị Diễm T và ông Thái Văn C không phối hợp cùng nhau thì cá nhân bà Trần Thị Diễm T, ông Thái Văn C được quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền của người sử dụng đất theo đúng các quy định của Luật đất đai.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diễm T đối với ông Thái Văn C về yêu cầu phân chia đối với 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 528 tờ bản đồ số 25 toạ lạc tại tổ 4, khu phố L, phường D, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; 01 xe ô tô biển số 72A – 318.37 đứng tên bà Trần Thị Diễm T và 02 vườn cây cảnh.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: Bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã nộp xong.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Diễm T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 99.380.000đ (chín mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 12.300.000đ (mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Trần Thị Diễm T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005992 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Trần Thị Diễm T tiếp tục nộp số tiền 87.380.000đ (tám mươi bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Ông Thái Văn C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con và 99.380.000đ (chín mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự về phân chia tài sản chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết C khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thu Hiền